

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/DS-PT
Ngày 30 tháng 3 năm 2018
V/v: “Yêu cấp tuyên bố hợp đồng
vô hiệu”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Hùng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Sơn.

Ông Trần Văn Thái.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Lan - Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc: Bà Mậu Mai Quyên
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2017/TLPT-DS ngày 10/11/2017, về việc tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2017/DS-ST ngày 02/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 96/2017/QĐPT-DS ngày 01/12/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Kim Văn D, sinh năm 1972, vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông D: Chị Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 1994, (văn bản ủy quyền ngày 24/4/2017), có mặt.

Địa chỉ: đường H, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị đơn: Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp Đ.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Kim Hồng C - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Hợp tác xã, vắng mặt.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Lê Văn P, sinh năm 1955, vắng mặt.

+ Bà Kim Thị N, sinh năm 1958, vắng mặt.

Cùng trú tại: Thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Bà Kim Thị P1, sinh năm 1973, vắng mặt.

+ Chị Kim Thị D1, sinh năm 1993, vắng mặt.

Cùng trú tại: Thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà P1 và chị D1: Chị Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 1994, (văn bản ủy quyền ngày 24/4/2017), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Kim Văn D và bà Kim Thị P1: Ông Nguyễn Văn H1 - Luật sư thuộc Công ty Luật T1, Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

Cùng địa chỉ: đường H, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người kháng cáo: Ông Kim Văn D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/4/2017 và những lời khai tiếp theo người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Gia đình ông Kim Văn D là chủ sử dụng hợp pháp thửa đất số 187, diện tích 480m², tờ bản đồ số 5 tại xứ đồng C1 thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 756959 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 24/8/1996, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0717/QSDĐ. Từ khi sử dụng thửa đất đến nay gia đình ông D luôn sử dụng ổn định, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước và không có tranh chấp với bất kỳ ai.

Tuy nhiên, ngày 05/01/2011, Ban quản trị Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Đ, do ông Kim Hồng C - Chủ nhiệm, ông Lê Xuân T2 - Kế toán và ông Kim Văn B1 - Trưởng Kiểm soát đã tự ý ký Hợp đồng kinh tế nuôi thả cá khu vực C1 với ông Lê Văn P (N1) giao tổng diện tích 27 mẫu cho ông Lê Văn P trong đó có thửa đất số 187, diện tích 480m², tại tờ bản đồ số 5 thuộc quyền sử dụng của gia đình ông D mà không có sự đồng ý của ông D. Tại thời điểm Hợp tác xã ký Hợp đồng kinh tế, gia đình ông D không hề hay biết việc này, cho đến nay gia đình ông D mới biết có việc Hợp tác xã đã giao thửa đất của gia đình ông cho ông Lê Văn P sử dụng. Theo quy định pháp luật gia đình ông D là chủ sử dụng hợp pháp thửa đất nêu trên, do vậy muốn chuyển quyền sử dụng, cho thuê,... phải được sự đồng ý của gia đình ông D, nhưng trong quá trình gia đình ông D sử dụng đất, không hề biết việc Hợp tác xã giao đất cho ông Lê Văn P. Việc ký kết hợp đồng giữa Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Đ với ông Lê Văn P là việc làm vi phạm pháp luật xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi ích của gia đình ông D. Vì vậy, ông D đề nghị Tòa án tuyên Hợp đồng kinh tế nuôi thả cá khu vực C1 lập ngày 05/01/2011 giữa Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Đ với ông Lê Văn P (N1) vô hiệu, ông D không yêu cầu giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Đại diện theo pháp luật của bị đơn ông Kim Hồng C trình bày: Ông D là xã viên Hợp tác xã Nông Nghiệp Đ. Gia đình ông Kim Văn D có diện tích đất

sản xuất nông nghiệp tại xứ đồng C1 thuộc loại đất 01 lúa, 01 cá. Hiện tại và từ trước đến nay gia đình ông D và các hộ xã viên trong Hợp tác xã vẫn đang sản xuất vụ X. Sau khi thu hoạch xong vụ X toàn bộ diện tích canh tác trở thành mặt nước (địa hình và ảnh hưởng của thời tiết mưa nhiều) nên không canh tác được vì vậy Hợp tác xã đã tổ chức đấu thầu cho các cá nhân có nhu cầu nuôi thả cá để lấy kinh phí chi vào công việc chung của thôn và Hợp tác xã. Trước khi tổ chức đấu thầu Hợp tác xã đã căn cứ vào biên bản bàn giao quỹ đất chung và diện tích đầm ao hồ của trưởng thôn Đ sang Hợp tác xã quản lý, quyết định của Ủy ban nhân dân xã B ngày 06/4/2004 giao toàn bộ diện tích quỹ đất chung và diện tích đầm ao hồ của thôn Đ sang Hợp tác xã quản lý. Ngày 29 và 30 tháng 12 năm 2009 Hợp tác xã Nông nghiệp Đ tổ chức đại hội xã viên nhiệm kỳ 2010 - 2014, đại hội nhất trí không thu sản phẩm dịch vụ trên diện tích chia theo Nghị định 64 của xã viên mà cho thuê diện tích mặt nước các đầm hồ ao của thôn do Hợp tác xã quản lý. Sau khi thông báo rộng rãi thông tin trên loa truyền thanh của thôn về việc thuê cá khu vực C1 (khu vực đầm ao hồ thuộc diện tích mặt nước 01 lúa). Ngày 05/01/2011 Hợp tác xã tổ chức đấu thầu công khai ông Lê Văn P là người trúng thầu và thả cá từ đó đến nay. Thời hạn thuê từ năm 2011 đến hết năm 2020. Ông Kim Văn D khởi kiện yêu cầu tuyên bố Hợp đồng kinh tế nuôi thả cá khu vực C1 vô hiệu là không có căn cứ vì ông D không có quyền đòi diện tích mặt nước ở khu vực C1, bản thân gia đình ông D là xã viên của Hợp tác xã Đ hiện nay đang hưởng quyền lợi từ việc cho thuê diện tích mặt nước này cụ thể là không phải nộp bất cứ loại dịch vụ nào cho Hợp tác xã trên đất diện tích đất được chia cho các hộ xã viên và được hưởng các dịch vụ của Hợp tác xã phục vụ cho việc tưới tiêu, bảo vệ sản xuất vụ X. Khi tổ chức đấu thầu diện tích trên, ông D có mặt nhưng không được tham gia đấu thầu vì trước đó ông D còn nợ sản phẩm của Hợp tác xã, ông D cũng người trực tiếp nuôi thả cá khu vực C1 đến hết năm 2010 trước khi ông P trúng thầu.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Lê Văn P trình bày: Ngày 05/01/2011, Hợp tác xã tổ chức đấu thầu công khai ông là người trúng thầu diện tích mặt nước 27 mẫu tại khu vực C1 và thả cá từ đó đến nay. Thời hạn thuê 10 năm từ năm 2011 đến hết năm 2020. Sau khi trúng thầu ông được Hợp tác xã Nông nghiệp Đ giao đủ diện tích thuê là 27 mẫu. Trách nhiệm của người trúng thầu là: Không được thả cá khi xã viên mới cấy lúa, đến ngày 30/3 hàng năm mới được thả cá thả cỏ và phải có lưới bảo vệ lúa. Nếu thả cá mà ăn lúa hoặc phá lúa thì phải đền bù cho xã viên bằng 100 kg thóc/sào/vụ. Phải điều tiết nước đảm bảo nhu cầu sản xuất lúa của xã viên cho đến khi thu hoạch vụ chiêm xong. Đến lịch gieo mạ phải tháo nước để xã viên gieo mạ. Theo hợp đồng thuê thì hàng năm người dân có ruộng tại khu vực ông đấu thầu vẫn cấy lúa một vụ X còn vụ mùa không cấy được vì nước ngập. Đến nay ông Kim Văn D đề nghị tuyên bố hợp đồng kinh tế được ký giữa ông và

Hợp tác xã Nông nghiệp Đ vô hiệu. Ông đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật nhưng với hợp đồng trên thì ông là người được thực hiện hợp đồng đến hết ngày 31/12/ 2020. Nếu Tòa án tuyên bố hợp đồng vô hiệu thì sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của ông.

+ Lời khai bà Kim Thị N trình bày như ông Lê Văn P và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

+ Lời khai bà Kim Thị P1, cháu Kim Thị D1 trình bày như ông Kim Văn D.

Với nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2017/DS-ST ngày 02/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện L đã quyết định:

Áp dụng Điều 116, 117, 118, 119, 122, 123, 132, 483, 484, 485 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Kim Văn D đề nghị tuyên bố hợp đồng đồng kinh tế nuôi thả cá khu vực C1 lập ngày 05/01/2011 giữa Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Đ với ông Lê Văn P vô hiệu.

Sau khi án sơ thẩm xử xong, ngày 03/10/2017 ông Kim Văn D kháng cáo và yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngày 13/10/2017 ông D có đơn kháng cáo bổ sung và chỉ yêu cầu hủy bản án sơ thẩm. Lý do kháng cáo tại đơn đề ngày 30/11/2017 ông D cho rằng: HTX Dịch vụ Nông nghiệp Đ tự ý mang thửa đất của gia đình ông ký hợp đồng thuê khoán với ông Lê Văn P là trái quy định của pháp luật, hạn chế quyền của người sử dụng đất; UBND xã B không có quyền giao đất nông nghiệp thuộc quỹ đất chung của thôn Đ do ông Lê Văn T3 là trưởng thôn đang quản lý sang cho Ban quản lý HTX Dịch vụ Nông nghiệp Đ; HTX Dịch vụ Nông nghiệp Đ hoạt động không đúng với ngành nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan nhà nước; Không có việc ông trúng thầu ruộng và cũng không là người trực tiếp nuôi thả cá khu C1 trước khi ông P trúng thầu. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông D chỉ đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, tuyên bố hợp đồng giữa HTX Dịch vụ Nông nghiệp Đ và ông Lê Văn P vô hiệu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của ông Kim Văn D, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Kim Văn D làm đơn kháng cáo trong thời hạn do pháp luật quy định nên được chấp nhận xem xét giải quyết.

[2] Về nội dung kháng cáo:

1/ Ông D có tham gia Đại hội xã viên hay không? Nếu tham gia thì có biết quyền và nghĩa vụ của xã viên hay không, có ý kiến gì về quyền và nghĩa vụ của xã viên hay không? Ông C cho rằng trước khi HTX Dịch vụ nông nghiệp Đ ký hợp đồng với ông P thì có thông báo rộng rãi nhưng không ai có ý kiến gì, nội dung này mâu thuẫn với lời trình bày của ông D, ông D cho rằng không được tham gia Đại hội xã viên và không biết được việc đấu thầu, tuy nhiên chưa được cấp sơ thẩm xem xét. Theo tài liệu do ông C cung cấp thì danh sách xã viên của HTX Dịch vụ nông nghiệp Đ là 379 người (BL 87-90) và khoản 3 Điều 10 của Điều lệ HTX Dịch vụ nông nghiệp Đ năm 2016 có ghi: Đại hội thành viên có số lượng đại biểu là 200 người, hình thức đại hội là Đại hội đại biểu, tuy nhiên Nghị quyết Đại hội xã viên nhiệm kỳ 2016 - 2021 chỉ có 174 người tham dự (BL 91). Và tại khoản 4 Điều 11 của Điều lệ HTX Dịch vụ nông nghiệp Đ năm 2009 có ghi đại hội xã viên phải có ít nhất 2/3 tổng số xã viên tham dự (BL 55), tuy nhiên Biên bản họp xã viên ngày 25/11/2010 có nội dung giao thầu diện tích mặt nước thả cá chỉ có 183 xã viên tham dự (BL 130). Do vậy cần phải xem xét tính hợp pháp của Nghị quyết Đại hội xã viên về việc giao thầu thì mới có thể khẳng định việc HTX ký hợp đồng giao thầu với ông P có hợp lệ hay không? Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D nhưng không làm rõ các căn cứ pháp lý nên chưa có cơ sở thuyết phục.

2/ Hồ sơ vụ án thể hiện ngày 06/3/2004 UBND xã B có quyết định số 09/QĐ-UB có nội dung chuyển diện tích đất 95% theo Nghị định 64 của Chính Phủ từ ông Lê Văn T3 trưởng thôn đang quản lý sang Ban quản lý HTX Dịch vụ nông nghiệp Đ quản lý và thu dịch vụ (BL 65). Tuy nhiên cấp sơ thẩm không làm rõ trách nhiệm cũng như thẩm quyền của UBND xã B để xác định quyết định này có hợp pháp hay không?

3/ Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu, tuy nhiên khi xem xét yêu cầu của nguyên đơn thì không làm rõ quan điểm của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong trường hợp chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vì chính trong phần nội dung của bản án sơ thẩm có ghi lời trình bày của ông P: “*Nếu Tòa án tuyên bố hợp đồng vô hiệu thì sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của ông*”. Như vậy cấp sơ thẩm giải quyết chưa triệt để quan hệ pháp luật tranh chấp. Trường hợp có căn cứ thì cấp phúc thẩm không thể tuyên bố hợp đồng vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu vì như vậy sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền được xét xử theo hai cấp của các đương sự.

Từ phân tích trên thấy rằng các sai phạm và thiếu sót của cấp sơ thẩm không thể khắc phục được tại phiên tòa phúc thẩm cần hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L, giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết lại vụ án.

Khi thụ lý giải quyết lại cần lưu ý: Xem xét làm rõ các nội dung đã phân tích ở trên và những vấn đề liên quan phát sinh trong quá trình giải quyết vụ án; khi xét

xử căn cứ vào Luật hợp tác xã và Điều lệ của HTX Dịch vụ Nông nghiệp Đ cũng như các văn bản pháp luật có liên quan để giải quyết vụ án.

[3] Về án phí: Ông D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2017/DS-ST ngày 02/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện L.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện L giải quyết lại vụ án.

Án phí: Ông Kim Văn D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số AA/2016/0001896 ngày 24/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện L;
- Tòa án nhân dân huyện L;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện L;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, Toà DS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Quang Hùng